

**PHỤ LỤC.****DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM  
NHA KHOA BÁC SĨ SINH THUỘC CÔNG TY TNHH NGỌC LINH BS GROUP**  
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng 02 năm 2026 của Sở Y tế)

STT	Mã kỹ thuật theo thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	16.11	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng
2	16.14	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép Implant
3	16.33	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng
4	16.35	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nạo túi lợi
5	16.37	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
6	16.38	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
7	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
8	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
9	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
10	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi
11	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
12	16.44	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
13	16.46	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
14	16.48	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
15	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội

16	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
17	16.54	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy
18	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA
19	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
20	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
21	16.59	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
22	16.60	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)
23	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
24	16.65	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite có sử dụng laser
25	16.66	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng laser
26	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
27	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
28	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
29	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
30	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
31	16.73	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà
32	16.74	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng laser
33	16.75	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng laser
34	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp
35	16.79	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma

36	16.80	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống bằng laser
37	16.81	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng nội tủy
38	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
39	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
40	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
41	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
42	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
43	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần nhựa
44	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần sứ
45	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cần sứ
46	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần
47	16.110	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại quý cần sứ
48	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
49	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
50	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
51	16.114	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần nhựa
52	16.115	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần sứ
53	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim Titanium cần sứ
54	16.117	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại quý cần sứ
55	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần

56	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon
57	16.120	16. RĂNG HÀM MẶT	Chốt cùi đúc kim loại
58	16.121	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc Titanium
59	16.122	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc kim loại quý
60	16.127	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite gián tiếp
61	16.128	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer sứ toàn phần
62	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
63	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
64	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
65	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
66	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại
67	16.134	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung Titanium
68	16.135	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng hờ mặt nhai
69	16.136	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
70	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
71	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
72	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
73	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
74	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
75	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường

76	16.143	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi
77	16.144	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
78	16.145	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay
79	16.146	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định
80	16.147	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định nong nhanh
81	16.149	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định
82	16.150	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định
83	16.154	16. RĂNG HÀM MẶT	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định
84	16.155	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định Nance làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng
85	16.156	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng cung ngang khâu cái (TPA) làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng
86	16.157	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
87	16.158	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng MicroImplant
88	16.159	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định
89	16.160	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng ngầm
90	16.161	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định
91	16.162	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khâu cái (TPA)
92	16.163	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance
93	16.164	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
94	16.165	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mũi - cung hàm trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm
95	16.166	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh cung hàm trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm

96	16.167	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mũi trước phẫu thuật điều trị khe hở môi - vòm miệng giai đoạn sớm
97	16.668	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng bằng invisalign
98	16.168	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm dài thân răng lâm sàng sử dụng khí cụ cố định
99	16.169	16. RĂNG HÀM MẶT	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn hóa trùng hợp
100	16.170	16. RĂNG HÀM MẶT	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp
101	16.171	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn mắc cài mặt lưỡi bằng kỹ thuật gián tiếp
102	16.172	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn mắc cài mặt ngoài bằng kỹ thuật gián tiếp
103	16.173	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng
104	16.174	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bẻ Loop L hoặc dây cung đảo ngược
105	16.175	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích (Utility Archwire) và cung phụ làm lún răng cửa
106	16.176	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm trôi các răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt
107	16.177	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định
108	16.178	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định
109	16.179	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh khối tiền hàm trước phẫu thuật cho trẻ khe hở môi - vòm miệng
110	16.180	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp
111	16.181	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp
112	16.182	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ tháo lắp
113	16.183	16. RĂNG HÀM MẶT	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp
114	16.184	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp

115	16.185	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
116	16.186	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp
117	16.187	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng khí cụ tháo lắp tằm cắn (bite plate) hoặc mặt phẳng cắn phía trước (anterior plane)
118	16.188	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
119	16.189	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi
120	16.190	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
121	16.191	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút ngón tay
122	16.192	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu thở đường miệng
123	16.193	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn band
124	16.194	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng điều trị đau khớp thái dương hàm
125	16.195	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng nâng khớp cắn
126	16.196	16. RĂNG HÀM MẶT	Mài chỉnh khớp cắn
127	16.197	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
128	16.198	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng ngầm
129	16.199	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên
130	16.200	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới
131	16.201	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân
132	16.202	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng
133	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn

134	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ răng vĩnh viễn lung lay
135	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ chân răng vĩnh viễn
136	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ răng thừa
137	16.213	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi xơ cho răng mọc
138	16.214	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
139	16.215	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi di động để làm hàm giả
140	16.216	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi
141	16.217	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt phanh môi
142	16.218	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt phanh má
143	16.219	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy chuyển răng
144	16.220	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng
145	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
146	16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp
147	16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
148	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
149	16.225	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant
150	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
151	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement
152	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
153	16.229	16. RĂNG HÀM MẶT	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor

154	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
155	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
156	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
157	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
158	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
159	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
160	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
161	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
162	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
163	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em
164	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
165	16.298	16. RĂNG HÀM MẶT	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
166	16.299	16. RĂNG HÀM MẶT	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt
167	16.300	16. RĂNG HÀM MẶT	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt
168	16.301	16. RĂNG HÀM MẶT	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
169	16.309	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến
170	16.315	16. RĂNG HÀM MẶT	Gây tê vùng điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên
171	16.335	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn sai khớp thái dương hàm
172	16.336	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê
173	16.337	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê

174	16.338	16. RĂNG HÀM MẶT	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt
175	16.340	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp
176	16.348	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật tháo nẹp, vít
177	16.349	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng 1 thì
178	16.36	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp trên Implant
179	16.361	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu trên Implant
180	16.362	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa chữa phục hình sứ trên Implant bị vỡ
181	16.364	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị hở vết thương sau cấy ghép Implant
182	16.365	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh Implant
183	16.367	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị duy trì kết quả sau điều trị nắn chỉnh răng bằng máng
184	16.371	16. RĂNG HÀM MẶT	Tư vấn trước sinh cho các bà mẹ mang thai nhi có khe hở môi, khe hở vòm miệng
185	16.372	16. RĂNG HÀM MẶT	Hướng dẫn chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ có dị tật khe hở môi, khe hở vòm miệng
186	16.374	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh mũi cho trẻ sơ sinh có khe hở môi, khe hở vòm miệng sử dụng khí cụ ngoài mặt
187	16.375	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp X quang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)
188	16.376	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp X quang cận chóp (Periapical)
189	16.377	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp X quang toàn cảnh
190	16.378	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên, hàm dưới (Cone-BeamCT)
<b>Tổng số: 190 kỹ thuật</b>			